TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 25 /**2023/HS-ST.

Ngày: 28/ 02 /2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Ngọc Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Nguyễn Hà**

2**. Bà Nguyễn Thị Thụy**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Vân Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Phương Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/HSST – QĐ ngày 30/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **ĐỖ ANH V;** Sinh năm 1984; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; ĐKHKTT: Số 11 L, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 22/26 ngõ T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Quang H (đã mất) và bà: Lương Thị N (đã mất); Vợ: Nguyễn Thị M – Sinh năm: 1984; Con: Có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24.03.2022 đến ngày 01/4/2022. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ tên: **VÕ MẠNH Đ;** Sinh năm: 1988; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; ĐKHKTT: Số 16 L, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 14 L, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Võ Mạnh D – Sinh năm: 1961 và bà: Hứa Kim C – Sinh năm: 1963; Vợ: Phan Mai A –Sinh năm: 1992; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Từ năm 2010 đến năm 2014 có 02 tiền sự về hành vi cố ý gây thương tích. Xác định đã xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24.03.2022 đến ngày 01/4/2022. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ tên: **ĐÀO NGỌC H**; Sinh năm 1973; ..... Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; ĐKHKTT và nơi ở: Số 2 hẻm 32/2/53 đường B, phường N, quận B, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đào Văn U – Sinh năm: 1940 và bà: Quản Thị P (đã mất); Vợ: Sa Thị Hồng T – Sinh năm: 1976; Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Từ năm 1999 đến năm 2013 có: 03 tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản, đi cai nghiện tập trung; Gây rối trật tự công cộng. Xác định đã xóa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24.03.2022 đến ngày 01/4/2022. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ tên: **NGÔ TUẤN A;** Sinh năm 1995; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; ĐKHKTT: Số 2 ngõ 738 B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 25 ngách 195/58 H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Ngô Ngọc Bảo T và bà: V Minh H; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ tên: **NGÔ THỊ BÍCH L;** Sinh năm: 1964; Giới tính: Nữ; ĐKHKTT và nơi ở: Số 25 ngách 195/58 H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 7/10; Con ông: Ngô Văn T (đã mất) và bà: Trần Thị N - Sinh năm: 1941; Chồng: Đỗ Văn M – Sinh năm: 1962; Có 02 con, con lớn sinh năm 1984, con bé sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo tại ngoại đều có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

1. Chị Thái Thị G; Sinh năm: 1976; ĐKHKTT: Số 1 P, phường Q; quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 18 H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Chị Đặng Kim O; Sinh năm: 1963; ĐKHKTT và nơi ở: Số 18 ngõ 99 A, quận T, thành phố Hà Nội.

3. Chị V Thùy L; Sinh năm: 1983; ĐKHKTT: Số 7 ngõ 333 phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 715 đường H, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

4. Chị Đinh Thị Minh P; Sinh năm: 1971; ĐKHKTT và nơi ở: Số 135 đê T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

5. Chị Thái Thị G; Sinh năm: 1978; Nơi ở: Số nhà 50 ngõ 45 P, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội.

6. Chị Nguyễn Thị Thanh V; Sinh năm: 1965; Nơi ở: Số 8 H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/3/2022, Tổ công tác Đội Điều tra hình sự - Công an quận Ba Đình tiến hành kiểm tra hành chính tại tầng 3 quán Cafe Hoàng Long, địa chỉ số 12 H – phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, phát hiện nhiều tài liệu L

quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đỗ Anh V và đồng bọn. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, thu giữ tang vật L quan và đưa các đối tượng về trụ sở để làm rõ.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, xác định: Khoảng tháng 06 năm 2020, Đỗ Anh V bắt đầu cho người có nhu cầu vay lãi mà không cần thế chấp tài sản dưới hình thức bốc bát họ, không có giấy phép kinh dO tài chính, không treo biển hiệu. V sử dụng tầng 3 địa chỉ số 12 H, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (*Là nhà bà Ngô Thị Bích L - mẹ vợ V đang thuê cả căn nhà để kinh dO cà phê tại tầng 1*) làm nơi hoạt động cho vay "họ". V thuê 03 nhân viên để làm cho mình là Võ Mạnh Đ, Đào Ngọc H và Ngô Tuấn A với mức lương mỗi người 6.000.000 đồng/tháng. Từ khi hoạt động, V đã cho nhiều khách vay lãi bằng các bát họ khác nhau từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, với thời hạn mỗi bát khách phải trả trong 50 đến 60 ngày. Cụ thể:

- Bát họ 10.000.000 đồng, khách đóng mỗi ngày 200.000 đồng;
- Bát 25.000.000 đồng, khách đóng mỗi ngày 500.000 đồng, khi vay cắt 5.000.000 đồng tiền lãi.
- Bát họ 30.000.000 đồng, khách đóng 600.000 đồng;
- Bát họ 50.000.000 đồng, khách đóng 1.000.000 đồng.

Khi khách có nhu cầu bốc bát họ, khách sẽ L lạc trực tiếp với Đỗ Anh V theo số điện thoại 0916662284 và được V hướng dẫn mang hồ sơ gồm sổ hộ khẩu, căn cước công dân, giấy đăng ký kết hôn..... lên tầng 3, địa chỉ 12 Hòe Nhai gặp nhóm của V. Nhóm của V sẽ kiểm tra hồ sơ, giấy tờ của khách, sau đó, V sẽ chỉ đạo H hoặc Tuấn A hoặc Đ đi kiểm tra thông tin của khách về địa chỉ cư trú, tình trạng công việc xem có đủ khả năng bốc họ hay không. Khi thấy khách đủ điều kiện bốc họ, V sẽ trực tiếp chuyển tiền cho khách bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa trực tiếp tiền mặt tại 12 Hòe Nhai. H, Đ, Tuấn A sẽ có nhiệm vụ nhắn tin gọi điện nhắc khách đóng họ hàng ngày hoặc thu tiền của khách đến đóng họ trực tiếp. Nhóm của V lập 01 nhóm zalo chung để thông báo tình hình hàng ngày khách nào đã đóng họ, khách nào chưa đóng họ và thông báo tình hình hoạt động của nhóm. Khách đóng họ bằng hình thức chuyển khoản sẽ chuyển khoản trực tiếp cho V vào tài khoản của V tại Ngân hàng Techcombank 19034020040011 hoặc tại Ngân hàng Vietcombank 0021000458833 đều mang tên Đỗ Anh V. Ngô Thị Bích L biết việc nhóm của V cho vay lãi nặng và đồng ý cho V mượn nhà để hoạt động cho vay lãi nặng, những lúc nhóm của V không ở 12 Hòe Nhai, Ngô Thị Bích L là người thu tiền hộ của những khách đến đóng họ trực tiếp cho V.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, xác định khách vay tiền của Đỗ Anh V gồm:

1. Chị Thái Thị G:

- Bát 1: Ngày 29/11/2021, chị G vay của V bát họ 50.000.000 đồng đóng trong 50 ngày. V cắt 10.000.000 đồng tiền lãi, 2.000.000 đồng tiền đóng họ trước 2 ngày 29 và 30/11, 200.000 đồng phí check. Chị G cầm về 37.800.000 đồng.

Tương đương lãi suất: (10/50)/50(ngày)x365(ngày) x 100% = 146%/năm

Gấp 146%/20% = 7,3 lần lãi suất cho phép.

Tiền lãi năm cho phép với số tiền vay 50.000.000 đồng là: 50.000.000 x 20% = 10.000.000 đồng

Tiền lãi cho phép trong 50 ngày là: (10.000.000/365) x 50 = 1.369.863 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 10.000.000 - 1.369.863 + 200.000 = 8.830.137 đồng.

- Bát 2: Ngày 02/3/2022, chị G vay của V bát họ 50.000.000 đồng đóng trong 50 ngày. V cắt 10.000.000 đồng tiền lãi. Lần này chị G cầm về 38.000.000 đồng do không bị trừ phí check. Tính đến thời điểm bị bắt ngày 24/3/2022, chị G đã đóng được 22 ngày.

Tiền lãi cho phép trong 22 ngày là: (10.000.000/365) x 22 = 602.739 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 10.000.000 - 602.739 = 9.397.261 đồng.

Tổng số tiền V thu lời bất chính của chị G là: 8.830.137 + 9.397.261 = 18.227.398 đồng.

***2.* Chị Đặng Kim O: Chị O không bị trừ phí check mỗi lần đáo.**

- Bát 1: Ngày 21/7/2021, chị O vay của V bát 10.000.000 đồng, đóng mỗi ngày 200.000 đồng trong 60 ngày. Chị O cầm về 10.000.000 đồng. Đã đóng hết.

Tương đương lãi suất: (2/12)/60(ngày)x365(ngày) x 100% = 101,38%/năm

Gấp 101,38%/20% = 5,07 lần lãi suất cho phép.

Tiền lãi năm cho phép với số tiền vay 10.000.000 đồng là: 10.000.000 x 20% = 2.000.000 đồng

Tiền lãi cho phép trong 60 ngày là: (2.000.000/365) x 60 = 328,767 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 2.000.000 - 328,767 = 1.671.233 đồng.

- Bát 2: Ngày 27/12/2021, chị O vay tiếp bát 10.000.000 trong 60 ngày, đóng mỗi ngày 200.000 đồng trong 60 ngày. Chị O cầm về 10.000.000 đồng. Đóng được 57 ngày thì đáo sang bát 3. V thu lời bất chính *1.671.233 đồng.*

- Bát 3: Ngày 21/02/2022, chị O đáo bát 2, vay bát 3 số tiền 10.000.000 đồng trong 60 ngày, đóng mỗi ngày 200.000 đồng trong 60 ngày, trừ đi 600.000 đồng đáo hạn bát trước. Chị O cầm về 9.400.000 đồng. Tính đến ngày 24/3/2022, chị O mới đóng được cho V 31 ngày họ tương ứng với số tiền 6.200.000 đồng.

Tiền lãi cho phép trong 31 ngày là: (2.000.000/365) x 31 = 169.863 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 2.000.000 – 169.863 = 1.830.137 đồng.

Tổng số tiền V thu lời bất chính của chị O là: 1.671.233 + 1.671.233 + 1.830.137 = 5.172.603 đồng.

3. Chị V Thùy L:

- Bát 1: Ngày 14/12/2021, chị L vay bát 50.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng trong 50 ngày. V trừ 10.000.000 đồng tiền lãi, 2.000.000 đồng đóng trước 2 ngày, 200.000 đồng phí thẩm định. Chị L cầm về 37.800.000 đồng. Chị L đóng được 45 ngày thì đáo sang bát 2 nên coi như bát 1 đã đóng hết.

Tương đương lãi suất: (10/50)/50(ngày)x365(ngày) x 100% = 146%/năm

Gấp 146%/20% = 7,3 lần lãi suất cho phép.

Tiền lãi năm cho phép với số tiền vay 50.000.000 đồng là: 50.000.000 x 20% = 10.000.000 đồng

Tiền lãi cho phép trong 50 ngày là: (10.000.000/365) x 50 = 1.369.863 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 10.000.000 - 1.369.863 + 200.000 = 8.830.137 đồng.

- Bát 2: Ngày 27/01/2022, chị L đáo bát 1, vay bát 2 số tiền 50.000.000 đồng. V trừ 5.000.000 đồng còn thiếu của bát 1, trừ 10.000.000 đồng lãi của bát 2, trừ 2.000.000 đồng đóng trước 2 ngày. Chị L cầm về 33.000.000 đồng. Chị L đóng được 40 ngày thì đáo sang bát 3 nên coi như bát 2 đóng hết.

Số tiền V thu lợi bất chính là 10.000.000 - 1.369.863 = 8.630.137 đồng.

- Bát 3: Ngày 07/3/2022, Chị L đáo bát 2, vay số tiền 50.000.000 đồng, V trừ 10.000.000 đồng còn thiếu của bát 2, trừ 10.000.000 đồng lãi của bát 3, trừ 2.000.000 đồng đóng trước 2 ngày. Chị L cầm về 28.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/3/2022, chị L đóng được 17 ngày, còn thiếu 33 ngày.

Tiền lãi cho phép trong 17 ngày là: (10.000.000/365) x 17 = 465.753 đồng.

Số tiền V thu lợi bất chính là 10.000.000 - 465.753 = 9.534.247 đồng.

Tổng số tiền V thu lời bất chính của chị L là: 8.830.137 + 8.630.137 + 9.534.247 = 26.994.521đồng.

4. Chị Đinh Thị Minh P:

- Ngày 02/3/2022, chị P vay bát họ 30.000.000 đồng đóng mỗi ngày 600.000 đồng trong vòng 50 ngày. V cắt 6.000.000 đồng tiền lãi, 1.200.000 đồng tiền đóng họ trước 2 ngày, 200.000 đồng phí check. Chị P cầm về 22.600.000 đồng. Tính đến ngày 24/3/2022, chị P đã đóng được 22 ngày.

Tương đương lãi suất: (6/30)/50(ngày)x365(ngày) x 100% = 146%/năm

Gấp 146%/20% = 7,3 lần lãi suất cho phép.

Tiền lãi năm cho phép với số tiền vay 30tr là: 30.000.000 x 20% = 6.000.000 đồng.

Tiền lãi cho phép trong 22 ngày là: (6.000.000/365) x 22 = 361.643 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 6.000.000 + 200.000 - 361.643 = 5.838.357 đồng.

5. Chị Thái Thị G:

- Bát 1: Ngày 18/12/2021, chị G vay tiền của V số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), mỗi ngày chị G phải đóng 1.000.000 đồng trong vòng 50 ngày. Khi giao tiền V trừ luôn 10.000.000 đồng tiền lãi cho thời hạn 50 ngày, trừ 15.000.000 đồng tiền nợ từ trước của chị G, trừ 200.000 đồng tiền nhân viên thẩm định nhà cửa, trừ 2.000.000 đồng tiền đóng "họ" trước 2 ngày. Số tiền thực tế chị G nhận về là 22.800.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng). Tính đến ngày đáo hạn chị G đã thanh toán cho V được 42/50 ngày và "đáo" để vay tiếp bát khác (Tức là số tiền nợ của bát 1 sẽ được trừ vào số tiền vay của bát 2. Khi đáo thì coi như số tiền của bát 1 đã trả xong).

- Tương đương lãi suất: (10/50)/50(ngày) x 365(ngày) x 100% = 146%/năm
- Gấp 146%/20% = 7,3 lần lãi suất cho phép.
- Tiền lãi năm cho phép với số tiền vay 50tr là: 50.000.000 x 20% = 10.000.000 đồng
- Tiền lãi cho phép trong 50 ngày là: (10.000.000/365) x 50 = 1.369.863 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 10.000.000 - 1.369.863 + 200.000 = 8.830.137 đồng.

- Bát 2: Ngày 28/01/2022, chị G vay tiền của V số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), mỗi ngày chị G phải đóng 500.000 đồng trong vòng 50 ngày. Khi giao tiền V trừ luôn 5.000.000 đồng tiền lãi cho thời hạn 50 ngày, trừ 8.000.000 đồng tiền đáo hạn bát họ trước của chị G, trừ 200.000 đồng tiền nhân viên thẩm định nhà cửa, trừ 1.000.000 đồng tiền đóng "họ" trước 2 ngày. Số tiền thực tế chị G nhận về là 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng). Tính đến ngày đáo hạn chị G đã thanh toán cho V được 38/50 ngày và "đáo" để vay tiếp

bát khác (Tức là số tiền nợ của bát 2 sẽ được trừ vào số tiền vay của bát 3. Khi đáo thì coi như số tiền của bát 2 đã trả xong).

- Tương đương lãi suất: (5/25)/50(ngày)x365(ngày) x 100% = 146%/năm
- Gấp 146%/20% = 7,3 lần lãi suất cho phép.
- Tiền lãi năm cho phép với số tiền vay 25.000.000 đồng là: 25.000.000 x 20% = 5.000.000 đồng.
- Tiền lãi cho phép trong 50 ngày là: (5.000.000/365) x 50 = 684.931 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 5.000.000 - 684.931 + 200.000 = 4.515.069 đồng.

- **Bát 3:** Ngày 06/3/2022, chị G đáo bát thứ hai và vay bát họ thứ ba số tiền là 50.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng trong 50 ngày. V trừ 6.000.000 đồng tiền bát họ thứ hai còn nợ, trừ 2.000.000 đồng tiền đóng họ 2 ngày 06 và 07/3/2022, trừ 200.000 đồng tiền check nhà, trừ 10.000.000 đồng tiền lãi của bát này. Thực tế bát thứ ba này chị G cầm về 31.800.000 đồng. Tính đến ngày 24/3/2022, chị G đóng được 18 ngày, còn thiếu 32 ngày.

- Tương đương lãi suất: (10/50)/50(ngày) x365(ngày) x 100% = 146%/năm
- Gấp 146%/20% = 7,3 lần lãi suất cho phép.
- Tiền lãi năm cho phép với số tiền vay 50tr là: 50.000.000 x 20% = 10.000.000 đồng
- Tiền lãi cho phép trong 18 ngày là: (10.000.000/365) x 18 = 493.150 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 10.000.000 + 200.000 - 493.150= 9.706.850 đồng.

Tổng số tiền V thu lời bất chính của chị G là 8.830.137 + 4.515.069 + 9.706.850= 23.052.056 đồng.

6. Chị Nguyễn Thị Thanh V:

- Bát 1: Ngày 14/12/2021, chị V vay của V bát 30.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 600.000 đồng trong vòng 50 ngày. V trừ 6.000.000 đồng tiền lãi, 1.200.000 đồng tiền đóng họ trước 2 ngày, 200.000 đồng phí check. Chị V cầm về 22.600.000 đồng. Khi đáo sang bát 2 thì coi như bát 1 đóng hết. Đã đóng được 40 ngày thì đáo sang bát 2.

Tương đương lãi suất: (6/30)/50(ngày)x365(ngày) x 100% = 146%/năm

Gấp 146%/20% = 7,3 lần lãi suất cho phép.

Tiền lãi năm cho phép với số tiền vay 30tr là: 30.000.000 x 20% = 6.000.000 đồng

Tiền lãi cho phép trong 50 ngày là: (6.000.000/365) x 50 = 821.917 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 6.000.000 + 200.000 - 821.917 = 5.378.083 đồng.

- Bát 2: Ngày 22/01/2022, chị V đáo bát 30.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 600.000 đồng trong 50 ngày, trừ 1.200.000 đồng tiền đóng trước 2 ngày, trừ 200.000 đồng phí, trừ 6.000.000 đồng tiền lãi, trừ 3.000.000 đồng chị V thiếu trước tết. Thực tế chị V cầm về 13.600.000 đồng. Đã đóng được 48 ngày thì đáo sang bát thứ 3. Khi đáo sang bát 3 thì coi như bát 2 đóng hết.

Số tiền V thu lợi bất chính là 6.000.000 + 200.000 - 821.917 = 5.378.083 đồng.

- Bát 3: Ngày 10/3/2022, chị V đáo bát 30.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/3/2022, chị V đã đóng được 14 ngày, còn thiếu 36 ngày. Số tiền chị V cầm về là 21.400.000 đồng.

Tiền lãi cho phép trong 14 ngày là: (6.000.000/365) x 14 = 230.136 đồng

Số tiền V thu lợi bất chính là 6.000.000 + 200.000 - 230.136 = 5.969.864 đồng.

Tổng số tiền V thu lời bất chính của chị V là 5.378.083 + 5.378.083 + 5.969.864 = 16.726.030 đồng.

Tổng số tiền thu lời bất chính của 6 khách trên là: 96.010.965 đồng (Chín mươi sáu triệu, không trăm mười nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng)

* **Thu giữ của Đỗ Anh V:**

+ 01 giấy công chứng kết hôn số 01769 mang tên Lê Đ V và Nhữ Thị V.

+ 05 giấy nhận để đổi tiền lẻ (*Mẫu đánh máy sẵn*).

+ 01 giấy nhận để đổi tiền lẻ của Thái Thị G ngày 29 tháng 11 năm 2021 và ngày 02 tháng 3 năm 2022, đều có số tiền vay là 50.000.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105 màu trắng, số Imeil: 357338088679967, lắp sim số 0961694884 (*đã qua sử dụng*).

+ 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imeil: 353821087064897, lắp sim số 0912515858 (*đã qua sử dụng*).

+ 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imeil: 356713087564108, lắp sim số 0916662284 (*đã qua sử dụng*).

*** Thu giữ của Đào Ngọc H:**

+ 01 điện thoại di động Iphone XR màu đỏ, số Imeil: 357347090267729, lắp sim số 0968669717 (*đã qua sử dụng*).

+ 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu đen, số Imeil: 358691090815386, lắp sim số 0822761858.

*** Thu giữ của Võ Mạnh Đ:**

+ 01 điện thoại Iphone XS max lắp sim số 0902293199, số Imeil 1: 353097101211273, Imeil 2: 353097101145828 (*đã qua sử dụng*).

*** Thu giữ của Ngô Thị Bích L:**

+ 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu đỏ, số IMEL: 353013097135368, lắp sim số 0949410884 *(đã qua sử dụng).*

+ 01 căn cước công dân số 001164004501 mang tên Ngô Thị Bích L.

Đối với sổ sách dùng để ghi chép khách vay và số tiền vay, V khai nhận để tại nhà riêng số 22 ngách 26 ngõ Toàn Thắng, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội, quá trình khám xét, cơ quan Công an không thu giữ được số sổ sách trên. Hiện V không biết số sổ sách đó ở đâu, không nhớ được số khách cụ thể nên không có căn cứ để chứng minh số tiền thu lời bất chính thực tế của V.

Lời khai của Đỗ Anh V phù hợp lời khai Võ Mạnh Đ, Đào Ngọc H, Ngô Tuấn A, Ngô Thị Bích L, phù hợp với lời khai của người vay lãi, sao kê giao dịch tài khoản Ngân hàng và các tài liệu khác Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với những khách vay tiền của V, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, mời lên trụ sở để làm việc nhiều lần, nH những người này đều vắng mặt tại địa P, không xác định được nơi ở hiện nay, không L lạc được nên không có căn cứ xác định thêm số tiền thu lời bất chính của Đỗ Anh V cùng đồng bọn.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 16/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình truy tố Đỗ Anh V, Võ Mạnh Đ, Đào Ngọc H, Ngô Tuấn A, Ngô Thị Bích L về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi do mình thực hiện là phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu: Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều **36** BLHS, đề nghị xử phạt **Đỗ Anh V: Từ 20 – 30 tháng cải tạo không giam giữ.**

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều **36** BLHS, đề nghị xử phạt **Võ Mạnh Đ: Từ 15 – 24 tháng cải tạo không giam giữ.**

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều **36** BLHS, đề nghị xử phạt **Đào Ngọc H: Từ 15 – 24 tháng cải tạo không giam giữ.**

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều **36** BLHS, đề nghị xử phạt **Ngô Tuấn A: Từ 15 – 24 tháng cải tạo không giam giữ.**

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều **36** BLHS, đề nghị xử phạt **Ngô Thị Bích L: Từ 10 – 20 tháng cải tạo không giam giữ.**

* **Hình phạt bổ sung**: Áp dụng khoản 3 Điều 201 để tuyên hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Phạt tiền bị cáo Đỗ Anh V: Từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Phạt tiền cáo Võ Mạnh Đ: Từ 32.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Đào Ngọc H: Từ 32.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Ngô Tuấn A: Từ 30.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng.

Phạt tiền bị cáo Ngô Thị Bích L: Từ 30.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng.

Về dân sự: Áp dụng Điều 5 Nghị Quyết 01 ngày 20/12/2021 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao: Đề nghị truy thu toàn bộ số tiền gốc mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cho 06 khách vay với lãi suất 146%/năm; truy thu khoản tiền các bị cáo thu của khách đi thẩm định cho vay; Truy thu nộp ngân sách Nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS mà các bị cáo đã thu của 06 khách vay; Yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền lãi mà các bị cáo thu vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định của của BLDS cho 06 khách vay (nếu khách yêu cầu trả); Truy thu số tiền lương của H, Đ, Tuấn Acó được từ hoạt động cho vay lãi nặng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

+ Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 105 màu trắng, số Imeil: 357338088679967, lắp sim số 0961694884 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imeil: 353821087064897, lắp sim số 0912515858 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imeil: 356713087564108, lắp sim số 0916662284 (*đã qua sử dụng*). 01 điện thoại di động Iphone XR màu đỏ, số Imeil: 357347090267729, lắp sim số 0968669717 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu đen, số Imeil: 358691090815386, lắp sim số 0822761858. 01 điện thoại Iphone XS max lắp sim số 0902293199, số Imeil 1: 353097101211273, Imeil 2: 353097101145828 (*đã qua sử dụng*). 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu đỏ, số IMEL: 353013097135368, lắp sim số 0949410884 *(đã qua sử dụng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/3/2022, tại tầng 3 quán Cafe Hoàng Long địa chỉ số 12 Hòe Nhai, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Tổ công tác đội điều tra hình sự - Công an quận Ba Đình, tiến hành kiểm tra hành chính nhà của Ngô Thị Bích L, đã phát hiện Đỗ Anh V, Võ Mạnh Đ, Đào Ngọc H, Ngô Tuấn A, Ngô Thị Bích L có hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cho 06 khách, mức lãi suất gấp từ 5,07 đến 7,3 lần mức lãi suất cho phép, với tổng số tiền thu lời bất chính là ***96.010.965 đồng (Chín mươi sáu triệu, không trăm mười nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng).***

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào trong khung hình phạt nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh do tiền tệ nên cần được xét xử nghiêm minh theo quy định.

Vụ án có đồng phạm tham gia, bị cáo Đỗ Anh V là chủ mưu cầm đầu, trực tiếp bỏ tiền vốn cho vay để hưởng lợi, chỉ đạo các đối tượng làm thuê là Đào Ngọc H, Võ Mạnh Đ, Ngô Tuấn A. Bị cáo Ngô Thị Bích L có vai trò giúp sức, cùng thống nhất ý chí với V. Xét vai trò, nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng một mức phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và áp dụng hình phạt đối với bị cáo V cao hơn bị cáo Đ, H, Tuấn Anh, L, buộc các bị cáo phải cải tạo tại địa P một thời gian đủ điều kiện cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo V, Tuấn Anh, L nhân thân chưa có tiền sự, tiền án, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đ, H đều đã có tiền sự nH đã được xóa, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Ngoài hình phạt chính, cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Anh V. Phạt tiền bị cáo Đỗ Anh V số tiền: 30.000.000 đồng.

Đối với các bị cáo Đ, H, Tuấn Anh, L là người giúp sức, làm thuê nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Đối với các bị cáo Đ, H, Tuấn Alà người lao động làm thuê ăn lương nên không buộc phải truy thu số tiền lương hàng tháng.

Về dân sự: Áp dụng Điều 5 Nghị Quyết 01 ngày 20/12/2021 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao:

1. Chị Thái Thị G đã vay của V 02 khoản vay tổng số tiền 100.000.000 đồng:

Truy thu số tiền 20% do bị cáo V phạm tội mà có: 1.369.863 + 602.739 = 1.972.602 đồng.

Truy thu khoản tiền cho vay và phí vay (P tiện phạm tội): 37.800.000 + 200.000 + 38.000.000 = 76.000.000 đồng.

Tổng (1): 77.972.602 đồng.

Buộc bị cáo V phải trả lại cho chị G: 8.830.137 – 200.000 + 9.397.261 = 18.027.398 đồng (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay).

2. Chị Đặng Kim O đã vay của V 03 khoản vay tổng số tiền 30.000.000 đồng:

Truy thu số tiền 20% do bị cáo V phạm tội mà có: 328.767 + 328.767 + 169.863 = 827.397 đồng.

Truy thu khoản tiền cho vay và phí vay (P tiện phạm tội): 10.000.000 + 10.000.000 + 9.400.000 = 29.400.000 đồng.

Tổng (2): 30.227.397 đồng

Buộc bị cáo V phải trả lại cho chị O: 1.671.233 + 1.671.233 + 1.830.137 = 5.172.603 đồng (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản

tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay).

3. Chị V Thùy L đã vay của V 03 khoản vay tổng số tiền 150.000.000 đồng:

Truy thu số tiền 20% do bị cáo V phạm tội mà có: 1.369.863 + 1.369.863 + 465.753 = 3.205.479 đồng.

Truy thu khoản tiền cho vay, phí vay (P tiện phạm tội): 37.800.000 + 200.000 + 33.000.000 + 28.000.000 = 99.000.000 đồng.

Tổng (3): 102.205.479 đồng.

Buộc bị cáo V phải trả lại cho chị L: 8.830.137 – 200.000 + 8.630.137 + 9.534.247 = 26.794.521 đồng (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay).

4. Chị Đinh Thị Minh P đã vay của V 01 khoản vay số tiền 30.000.000 đồng:

Truy thu số tiền 20% do bị cáo V phạm tội mà có: 361.643 đồng.

Truy thu khoản tiền cho vay, phí vay (Phương tiện phạm tội): 22.600.000 + 200.00 = 22.800.000 đồng.

Tổng (4): 23.161.643 đồng

Buộc bị cáo V phải trả lại cho chị P: 5.838.357 – 200.000 = 5.638.357 đồng (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay).

5. Chị Thái Thị G đã vay của V 03 khoản vay tổng số tiền 125.000.000 đồng:

Truy thu số tiền 20% do bị cáo V phạm tội mà có: 1.369.863 + 684.931 + 493.150 = 2.547.944 đồng.

Truy thu khoản tiền cho vay, phí vay (Phương tiện phạm tội): 22.800.000 + 200.000 + 10.800.000 + 200.000 + 31.800.000 + 200.000 = 66.000.000 đồng.

Tổng (5): 68.547.944 đồng

Buộc bị cáo V phải trả lại cho chị G: 8.830.137 – 200.000 + 4.515.069 – 200.000 + 9.706.850 – 200.000 = 22.452.056 đồng (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay).

6. Chị Nguyễn Thị Thanh V đã vay của V 03 khoản vay tổng số tiền 90.000.000 đồng:

Truy thu số tiền 20% do bị cáo V phạm tội mà có: 821.917 + 821.917 + 230.136 = 1.873.970 đồng.

Truy thu khoản tiền cho vay, phí vay (Phương tiện phạm tội): 22.600.000 + 200.000 + 13.600.000 + 200.000 + 21.400.000 + 200.000 = 58.200.000 đồng.

Tổng (6): 60.073.970 đồng.

Buộc bị cáo V phải trả lại cho chị V: 5.378.083 – 200.000 + 5.378.083 – 200.000 + 5.969.864 – 200.000 = 16.126.030 đồng (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay).

Tổng số tiền truy thu của bị cáo V: ***362.189.035 đồng(Ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm tám chín nghìn không trăm ba mươi lăm đồng).***

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 105 màu trắng, số Imeil: 357338088679967, lắp sim số 0961694884 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imeil: 353821087064897, lắp sim số 0912515858 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imeil: 356713087564108, lắp sim số 0916662284 (*đã qua sử dụng*). 01 điện thoại di động Iphone XR màu đỏ, số Imeil: 357347090267729, lắp sim số 0968669717 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu đen, số Imeil: 358691090815386, lắp sim số 0822761858. 01 điện thoại Iphone XS max lắp sim số 0902293199, số Imeil 1: 353097101211273, Imeil 2: 353097101145828 (*đã qua sử dụng*). 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu đỏ, số IMEL: 353013097135368, lắp sim số 0949410884 *(đã qua sử dụng)*.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Anh V, Võ Mạnh Đ, Đào Ngọc H, Ngô Tuấn A, Ngô Thị Bích L phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

1/Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Anh V 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/3/2022 đến ngày 01/4/2022 là 08 ngày x 3 = 24 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 19 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Anh V số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đỗ Anh V cho Uỷ ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2/Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Mạnh Đ 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/3/2022 đến ngày 01/4/2022 là 08 ngày x 3 = 24 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Võ Mạnh Đ cho Uỷ ban nhân dân phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3/Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc H 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/3/2022 đến ngày 01/4/2022 là 08 ngày x 3 = 24 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đào Ngọc H cho Uỷ ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

4/Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Tuấn A 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân phường P , quận H, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ngô Tuấn A cho Uỷ ban nhân dân phường P , quận H, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

5/Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Bích L 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân phường P , quận H, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ngô Thị Bích L cho Uỷ ban nhân dân phường P , quận H, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

II/ Về dân sự: Áp dụng Điều 5 Nghị Quyết 01 ngày 20/12/2021 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao:

- Buộc bị cáo Đỗ Anh V phải truy nộp tổng số tiền ***362.189.035 (Ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm tám chín nghìn không trăm ba mươi lăm) đồng*** để nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Đỗ Anh V phải trả lại cho chị Thái Thị G số tiền: **8.027.398 đồng.**

Buộc bị cáo Đỗ Anh V phải trả lại cho chị Đặng Kim O số tiền: **5.172.603 đồng.**

Buộc bị cáo Đỗ Anh V phải trả lại cho chị V Thùy L số tiền: **26.794.521 đồng.**

Buộc bị cáo Đỗ Anh V phải trả lại cho chị Đinh Thị Minh P số tiền: **5.638.357 đồng.**

Buộc bị cáo Đỗ Anh V phải trả lại cho chị Thái Thị G số tiền: **22.452.056 đồng.**

Buộc bị cáo Đỗ Anh V phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh V số tiền: **16.126.030 đồng.**

III/Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 105 màu trắng, số Imeil: 357338088679967, lắp sim số 0961694884 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số Imeil: 353821087064897, lắp sim số 0912515858 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imeil: 356713087564108, lắp sim số 0916662284 (*đã qua sử dụng*). 01 điện thoại di động Iphone XR màu đỏ, số Imeil: 357347090267729, lắp sim số 0968669717 (*đã qua sử dụng*); 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu đen, số Imeil: 358691090815386, lắp sim số 0822761858. 01 điện thoại Iphone XS max lắp sim số 0902293199, số Imeil 1: 353097101211273, Imeil 2: 353097101145828 (*đã qua sử dụng*). 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu đỏ, số IMEL: 353013097135368, lắp sim số 0949410884 *(đã qua sử dụng)*. Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo biên bản giao nhận vật chứng số 68 ngày 17/01/2023.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có L quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc L

Nơi nhận:
- *VKSND quận B;*
- *VKSND thành phố H;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Công an quận B;*
- *Chi cục THADS quận Ba Đình;*
- *UBND phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội;*

UBND phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội;

- UBND phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- UBND phường P , quận H, thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan; - Lưu HS – VP.